LREL DHSP - DH ĐÀ NĂNG

551.68 Qu-L



LSPKD.0036573-0001

RẨN THỊ ÂN, NGUYỄN VĨNH LONG (Đồng chủ biên) QC HÀNH, NGUYỄN VĂN AN, HOÀNG THỊ DIỆU HƯỚNG, IỆU, KIẾU THỊ KÍNH, NGUYỄN THỊ NGỌC

QUẢN LÝ RỬI RO THIÊN TAI TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG

(Sách chuyên khảo)



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Trương Phước Minh, Trấn Thị Ân, Nguyễn Vĩnh Long (Đống chủ biên) Nguyễn Thị Kim Thoa, Lê Ngọc Hành, Nguyễn Văn An, Hoàng Thị Diệu Hương, Nguyễn Thị Diệu, Kiếu Thị Kính, Nguyễn Thị Ngọc

QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU – KINH NGHIỆM THỰC TIẾN TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG

(Sách chuyên khảo)

WÁC TÁC

| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT | 13 |
|--|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 15 |
| Chương 1 TổNG QUAN TÌNH HÌNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI Ở VIỆT NAM | |
| 1.1. KIẾN THỨC CHUNG VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THIỀN TAI | 17 |
| 1.1.1. Tổng quan về biến đổi khí hậu | 17 |
| 1.1.2. Các biểu hiện của biến đổi khí hậu | 18 |
| 1.1.3. Kịch bản biến đối khí hậu, nước biển dâng | 21 |
| 1.1.4. Khái quát chung về thiên tai | |
| 1.2. TÁC ĐỘNG CỦA BĐKH VÀ THIÊN TAI | 33 |
| 1.3. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI Ở VIỆT NAM | |
| Chương 2 BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG | |
| 2.1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, DẦN CƯ VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG | 43 |
| 2.1.1. Đặc điểm tự nhiên của Thành phố Đà Nẵng | 43 |
| 2.1.2. Đặc điểm dân cư và kinh tế - xã hội của Thành phố Đà Nẵng | 46 |
| 2.2. BIỂU HIỆN CỦA BIẾN ĐỚI KHÍ HẬU Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG | 48 |
| 2.2.1. Biến đổi của nhiệt độ | 48 |
| 2.2.2. Biến đổi của lượng mưa | 50 |
| 2.2.3. Biến đổi của các cực trị/cực đoan | 51 |
| 2.2.4. Biến đổi mực nước biến ở Đà Nẵng | 59 |

| 2.3. TÌNH HÌNH THIỀN TẠI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 60 |
|--|
| 2.3.1. Bão, áp thấp nhiệt đới |
| 2.3.2. Lū, ngập lụt |
| 2.3.3. Sạt lở đất, lũ quét |
| 2.3.4. Hạn hán, xâm nhập mặn |
| 2.3.5. Nắng nóng (sóng nhiệt) và đảo nhiệt đô thị |
| 2.3.6. Cháy rừng |
| Chương 3 |
| QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG |
| 3.1. KHÁI QUÁT VỀ RỬI RO THIỀN TAI |
| 3.2. KHÁI NIỆM VỀ QUẢN LÝ RỦI RO THIÊN TAI |
| 3.3. THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU |
| 3.4. MỘT SỐ KHUNG PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ TỔN THƯƠNG DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THIÊN TAI 70 |
| 3.4.1. Khung phân tích đánh giá tổn thương rủi ro thiên tai PAR70 |
| 3.4.2. Khung đánh giá giảm nhẹ rủi ro thiên tai của UNISDR71 |
| 3.4.3. Khung Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng |
| 3.4.4. Khung phân tích đánh giá tổn thương của IPCC |
| 3.5. CÁP ĐỘ RỬI RO THIỀN TÀI |
| 3.6. QUẨN LÝ RỦI RO THIỀN TAI TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG |
| 3.6.1. Đánh giá cấp độ rủi ro thiên tai tại Thành phố Đà Nẵng |
| 3.6.2. Các chính sách, chiến lược và biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại Thành phố Đà Nẵng 83 |
| 3.6.3. Nâng cao năng lực về Quản lý rủi ro thiên tai và thúc đẩy Giảm nhẹ rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng |
| 3.6.4. Xây dựng mô hình đô thị có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai102 |
| 3.6.5. Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai106 |
| Chương 4 |
| HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIẢM NHỆ RỦI RO THIỀN TAI, ỨNG PHÓ |
| VỚI BIẾN ĐỐI KHÍ HẬU TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG |

4.1. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC TRONG GIẨM NHỆ RỦI RO THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU... 108

| 4.2. GIÁO DỤC GIẢM NHỆ RỦI RO THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG TRƯỜNG | |
|---|-----|
| TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẪNG | |
| 4.2.1. Giáo dục mấm non và tiểu học | 110 |
| 4.2.2. Giáo dục biến đối khí hậu và thiên tai cho học sinh trung học | 117 |
| 4.2.3. Giáo dục đại học | 135 |
| 4.3. GIÁO DỤC GIẢM NHỆ RÙI RO THIỀN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG CỘNG ĐỒNG | 146 |
| KÉT LUẬN | 155 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 157 |

DANH MỤC BẢNG

| Bảng 2.1. | Dân số TP Đà Nẵng giai đoạn 2010 đến 2020 | 47 |
|------------|--|----|
| Bảng 3.1. | Hướng dẫn các thành phần đánh giá tính dễ bị tổn thương | |
| | do biến đổi khí hậu theo khung tiếp cận của IPCC | 75 |
| Bảng 3.2. | Các cấp độ rủi ro thiên tai theo | |
| | Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ | 77 |
| Bảng 3.3. | Cấp độ rủi ro thiên tai do bão khi ảnh hưởng đến TP Đà Nẵng | 78 |
| Bảng 3.4. | Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt tại TP Đà Nẵng | 79 |
| Bảng 3.5. | Cấp độ rủi ro do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy | 79 |
| Bảng 3.6. | Cấp độ rủi ro do mưa lớn tại TP Đà Nẵng | 80 |
| Bảng 3.7. | Cấp độ rủi ro do gió mạnh trên biển | 80 |
| Bảng 3.8. | Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá | 80 |
| Bảng 3.9. | Cấp độ rủi ro thiên tai do nắng nóng | 81 |
| | Cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán | |
| Bảng 3.11. | Cấp độ rùi ro thiên tai do xâm nhập mặn | 81 |
| Bảng 3.12. | Cấp độ rủi ro thiên tai do nước dâng | 81 |
| Bảng 3.13. | Cấp độ rủi ro thiên tai do sóng thần | 82 |
| | Cấp độ rủi ro thiên tai do cháy rừng | |
| | ác dư án thuộc lĩnh vực Khoa học Trái đất và mội trường: Kỹ thuật mội trường | |

DANH MỤC HÌNH

| Hình 1.1. | Hoạt động của các khí nhà kính trong khí quyển | 18 |
|------------|--|----|
| Hình 1.2. | Biến đổi nhiệt độ trung bình toàn cấu từ 1880 đến 2020 | |
| Hình 1.3. | Sơ đổ biểu thị 4 kịch bản gốc về phát thải khí nhà kính | 23 |
| Hình 1.4. | Lượng phát thải CO, tương đương trong thế kỷ 21 của các kịch bản SRES | 25 |
| Hình 1.5. | Các kịch bản biến đổi khí hậu tương ứng với các mức độ phát thải khí nhà kính RCP khác nhau | 26 |
| Hình 1.6. | Phân vùng rửi ro thiên tại tại Việt Nam | 33 |
| Hình 1.7. | Tổn thất kinh tế liên quan đến thiên tai theo lĩnh vực năm 2019 | 35 |
| Hình 1.8. | Nguy cơ ngập ứng với mực nước biển dâng 100 cm (Bộ TNMT, 2016) | 37 |
| Hình 1.9. | Thay đổi nhiệt độ trung bình (°C) trong 61 năm (1958-2018) ở các vùng khí hậu của Việt Nam | 38 |
| Hình 1.10. | Thay đổi lượng mưa năm (%) từ 1958-2018 ở các vùng khí hậu của Việt Nam | 39 |
| Hình 1.11. | Ngập lụt tại huyện Quảng Ninh (tỉnh Quảng Bình) trong trận lũ lịch sử năm 2020 tại Việt Nam | 40 |
| Hình 2.1. | Bản đổ hành chính và độ cao địa hình TP Đà Nẵng | 43 |
| Hình 2.2. | Bản đổ mạng lưới sông suối thuộc Thành phố Đà Nẵng | 46 |
| Hình 2.3. | Quy mô kinh tế và tốc độ tăng trưởng kinh tế của TP Đà Nẵng | 47 |
| Hinh 2.4. | Xu thế biến đổi nhiệt độ trung bình năm (°C) tại trạm TP Đà Nẵng | 49 |
| Hinh 2.5. | Xu thế biến đối nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C) tại trạm TP Đà Nẵng | 49 |
| Hình 2.6. | Xu thế biến đối nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C) tại trạm TP Đà Nẵng | 50 |
| Hình 2.7. | Xu thế biến đổi tổng lượng mưa năm (%) tại trạm TP Đà Nẵng | 51 |
| Hình 2.8. | Xu thế biến đối nhiệt độ tối cao trung bình năm (°C) tại trạm TP Đà Nẵng | 52 |
| Hinh 2.9. | Xu thế biến đổi nhiệt độ tối cao trung bình tháng 1 (°C) tại trạm Đà Nẵng | 52 |
| Hình 2.10. | Xu thế biến đối nhiệt độ tối cao trung bình tháng 7 (℃) tại trạm Đà Nẵng | 53 |
| Hình 2.11. | Xu thế biến đối nhiệt độ tối thấp trung bình năm (°C) tại trạm Đà Nẵng | 54 |
| Hình 2.12. | Xu thế biến đổi nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 1 (°C) tại trạm Đà Nẵng | 54 |

| Hình 2.13. | Xu thế biến đổi nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 7 (°C) tại trạm Đà Nẵng | 55 |
|------------|---|-----|
| Hình 2.14. | Xu thế biến đổi số ngày nắng nóng (ngày) tại trạm TP Đà Nẵng | 56 |
| Hình 2.15. | Xu thế biến đổi số ngày mưa lớn (ngày) tại trạm TP Đà Nẵng | 57 |
| Hình 2.16. | Lượng mưa cực đại trong 1 giờ ở TP Đà Nẵng từ năm 1979 đến 2022 | 57 |
| Hình 2.17. | Lượng mưa cực đại trong 1 giờ và xu hướng gia tăng lượng mưa theo giờ ở TP Đà Nã từ năm 1979 đến 2022 | - |
| Hình 2.18. | Lượng mưa từ 4h ngày 14/10/2022 đến 3h ngày 15/10/2022 tại một số trạm quan t ở TP Đà Nẵng | |
| Hinh 2.19. | Xu thế mực nước biến từ vệ tinh khu vực ven biến thành phố Đà Nẵng | 59 |
| Hình 2.20. | Tổng hợp số cơn bão, ATNĐ trên biến Đông và ảnh hưởng đến TP Đà Nẵng từ năm 1998-2020 | 60 |
| Hình 2.21. | Một số thiệt hại do bão Xangsane đổ bộ vào thành phố Đà Nẵng năm 2006 | |
| Hình 2.22. | Tổng hợp các trận lũ ảnh hưởng đến thành phố Đà Nẵng | 62 |
| Hinh 2.23. | Đà Nẵng trong trận ngập lịch sử ngày 14/10/2022 | 63 |
| Hình 2.24. | Biểu đổ nến nhiệt độ của TP Đà Nẵng trong tháng 4/2023 | 65 |
| Hình 3.1. | Khung phân tích đánh giá rủi ro thiên tai PAR | 71 |
| Hình 3.2. | Khung đánh giá giảm nhẹ rủi ro thiên tai | 72 |
| Hinh 3.3. | Mô hình quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng | 73 |
| Hình 3.4. | Khung tiếp cận đánh giá tính dễ bị tổn thương theo IPCC | 75 |
| Hình 3.5. | Hệ thống các chính sách, chiến lược và biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại TP Đà Nẵng | 84 |
| Hình 3.6. | Đầu tư tài chính cho lĩnh vực phòng, chống thiên tai ở các quốc gia | 97 |
| Hình 3.7. | Mô hình đô thị có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai | 103 |
| Hình 4.1. | Giáo viên sử dụng video giải thích cho bé về thiên tại lũ lụt và cách phòng, chống đuối nước | 114 |
| Hình 4.2. | Bé thực hành các biện pháp sơ cửu khi gặp sự cố | |
| Hình 4.3. | Học sinh trường tiểu học Hòa Bắc, xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang trong hoạt động vẽ tranh vế chủ để môi trường và biến đổi khí hậu | |
| Hình 4.4. | Tập huấn sử dụng và bảo vệ nguồn nước, tặng sách cho học sinh tiểu học | |
| Hình 4.5. | Tập huấn về phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước tại trường Tiểu học Ông Ích Đường - quận Cấm Lệ - TP Đà Nẵng | |
| Hình 4.6. | Một mẫu bài giảng về chủ để Biến đối khí hậu trong chương trình Địa lý lớp 6 THCS - Bộ sách Kết nối tri thức | |
| finh 4.7. | Một buổi sinh hoạt ngoại khóa tại trường THPT Hòa Vang - TP Đà Nẵng | 130 |
| finh 4.8. | Hoạt động ngoại khóa làm mô hình nhà chống lũ | 131 |

| Hình 4.9. | Vê tranh vé chủ để biến đổi khí hậu của học sinh THPT131 |
|------------|---|
| Hinh 4.10. | Sản phẩm triển làm của các em học sinh về biến đổi khí hậu132 |
| Hình 4.11. | Hội thi khoa học kĩ thuật cấp Quốc gia tổ chức tại TP Đà Nẵng năm học 2019 - 2020 133 |
| Hình 4.12. | Các sản phẩm dự thi sáng tạo khoa học kĩ thuật cấp thành phố Đà Nẵng dành cho học sinh phổ thông |
| Hinh 4.13. | Khung chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí - trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, với học phần "Môi trường và phát triển bến vững" (3 tín chỉ) và "Biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai" (3 tín chỉ)136 |
| Hình 4.14. | Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần "Biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai" - Chương trình đào tạo Sư phạm Địa lí |
| Hình 4.15. | Thiết kế câu hỏi trắc nghiệm trên Kahoot |
| Hình 4.16. | Sinh viên lớp 19SLD - Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư Phạm - Đại học Đà Nẵng thuyết trình cho các dự án của nhóm mình |
| Hình 4.17. | Thiết kế poster tuyên truyền phòng, chống thiên tai của sinh viên lớp 21SDL - Khoa Địa lý, trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng140 |
| Hình 4.18. | Thực hành tổ chức workshop - sinh viên lớp 20SDL - Khoa Địa lý - Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng141 |
| Hình 4.19. | Hoạt động ngoại khóa của sinh viên lớp 21SLD - Khoa lịch sử, Trường Đại học Sư Phạm - ĐH Đà Nẵng tại Trung tâm giáo dục thiên nhiên Green Việt và Sơn Trà tịnh viên, TP. Đà Nẵng |
| Hình 4.20. | Hoạt động đối rác lấy quả do sinh viên Khoa Địa lý - Trường Đại học Sư Phạm - ĐH Đà Nẵng tổ chức thực hiện năm 2022144 |
| Hình 4.21. | Hoạt động tuyên truyền về giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tại thôn Phú Túc, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang147 |
| Hình 4.22. | Hội thi tìm hiểu kiến thức về phòng, chống thiên tai theo hình thức các vòng như format cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia cho các đội ở trường THCS Lê Hồng Phong, Đà Nẵng 148 |
| Hình 4.23. | Hội thi Rung chuông vàng chung kết cấp trường "Cùng em phòng, chống thiên tai" tại trưởng THCS Đỗ Thúc Tịnh, Hòa Vang, 2022 |
| Hình 4.24. | Minh họa câu hỏi trong cuộc thi "Rung chuồng vàng" về chủ để phòng, chống thiên tai 151 |
| Hình 4.25. | Hội thi Rung chuông vàng "Tim hiểu kiến thức về phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu năm 2022 |
| Hình 4.26. | Hội thi "Rung chuông vàng" tổ chức phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Hòa Vang - TP Đà Nẵng |
| Hình 4.27. | Giải chạy bộ "Tiếp sửc phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu" tổ chức tháng 12/2022 tại TP Đà Nẵng |

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt Tiếng Việt

ATNĐ

Áp thấp nhiệt đới

BĐKH

Biến đối khí hâu

ĐBSCL

Đồng bằng sông Cửu Long

ÐH

Đại học

GNRRTT

Giảm nhe rùi ro thiên tai

G۷

Giáo viên

HS

Hoc sinh

KT-XH

Kinh tế - xã hội

NN & PTNT

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PCTT

Phòng, chống thiên tai

QLRRTT

Quản lý rủi ro thiên tai

RRTT

Rủi ro thiên tại

TNMT

Tài nguyên và Môi trường

TP

Thành phố

TBNN

Trung bình nhiều năm

THCS

Trung học cơ sở

THPT

Trung học phổ thông

UBND

Ủy ban nhân dân

Từ viết tắt Tiếng Anh

AR4

Báo cáo đánh giá lần thứ 4 của IPCC về biến đổi khí hậu toàn cấu (Fourth

Assessment Report)

AR5

Báo cáo đánh giá lần thứ 5 của IPCC về biến đổi khí hậu toàn cấu (Fifth

Assessment Report)

| AR6 | Báo cáo đánh giá lắn thứ 6 của IPCC về biến đổi khí hậu toàn cấu (Sixth Assessment Report) |
|--------|--|
| CBDRR | Giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Community-Based Disaster Risk Reduction) |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product) |
| IPCC | Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (Intergovernmental Panel on Climate Change) |
| IMHEN | Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu (Vietnam Institute of Meteorology, Hydrology & Climate Change) |
| MONRE | Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ministry of Natural Resources and Environment of Vietnam) |
| RCP | Kịch bản nồng độ khí nhà kính đặc trưng (Representative Concentration Pathways) |
| SRES | Báo cáo đặc biệt về kịch bản phát thải (Special Report on Emission Scenarios) |
| UNDP | Chương trình phát triển Liên hợp quốc (United Nation Development Program) |
| UNISDR | Cơ quan Liên hợp quốc vế giảm nhẹ rủi ro thảm họa (United Nations Office for Disaster Risk Reduction) |
| WB | Ngân hàng thế giới (World Bank) |
| WMO | Tổ chức Khí tượng thế giới (World Meteorological Organization) |

LỜI MỞ ĐẦU

Tầm ở vị trí trung độ của cả nước, trung tâm của vùng Duyên hải miền Trung Việt Nam, Thành phố Đà Nẵng với địa thế "lưng tựa núi, mặt hướng biển" đã trở thành một trong những nơi chịu nhiều thiên tai nhất trên cả nước. Với khí hậu nhiệt đới gió mùa thuộc khu vực "ổ bão" Thái Bình Dương, đồng thời là hạ lưu của hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, một trong 9 hệ thống sông lớn nhất Việt Nam, Đà Nẵng được đánh giá là thành phố duyên hải chịu tác động trực tiếp của nhiều loại hình thiên tai, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng mạnh mẽ, khốc liệt. Trung bình hằng năm, Đà Nẵng thường phải gánh chịu từ 2 đến 3 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào thành phố. Cơn bão Chanchu (bão số 1) năm 2006 đã cướp đi sinh mạng của 74 người. Cũng trong năm 2006, cơn bão Xangsane (bão số 6) làm bị thương và mất tích 168 người. Đà Nẵng ghi nhận 9.906 căn nhà bị sập và 25.000 căn nhà bị tốc mái. Tiếp theo đó, trận lũ lịch sử năm 2007 đã gây ngập nặng nhiều vùng dân cư chủ yếu ở nông thôn và ngoại thành. Gần đây nhất, đợt mưa lớn tháng 10 năm 2022 đã nhấn chìm cả Thành phố Đà Nẵng trong biển nước, hầu hết các tuyến đường và khu dân cư đô thị đều bị ngập gây thiệt hại về vật chất lên đến hàng nghìn tỷ đồng.

Công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu đã được các cấp quản lý địa phương và các cơ sở giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng đặc biệt quan tâm, luôn xem là công tác thường xuyên và quan trọng. Nhiều chính sách, chiến lược và hoạt động giáo dục về Quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được triển khai nhiều năm qua tại Thành phố Đà Nẵng.

Nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về Quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu như là một chìa khóa quan trọng để giúp giảm nhẹ các tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai, chúng tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách này như là một tài liệu hướng dẫn cho công tác giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong cộng đồng, không chỉ riêng cho địa bàn Thành phố Đà Nẵng mà còn mở rộng ở nhiều địa phương. Cuốn sách trình bày những kiến thức và kinh nghiệm về công tác Quản lý rủi ro thiên tai và cách thức vận dụng các hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu và thiên tai tại Thành phố Đà Nẵng. Nhóm tác giả hi vọng sẽ cung cấp một tài liệu bố ích, thực tế và hiệu quả dành cho nhà quản lí các cấp và giáo viên để giảng dạy về giảm nhẹ rủi ro do thiên tai cũng như tăng cường ý thức phòng, chống và những kỹ năng ứng phó với thảm họa thiên tai cho cộng đồng và đặc biệt dành cho các đối tượng học sinh, sinh viên.

Nội dung sách bao gồm các chương sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình biến đổi khí hậu và thiên tai ở Việt Nam.

Chương 2: Biến đổi khí hậu và thiên tai tại Thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Quản lý rủi ro thiên tai tại Thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Chương 4: Hoạt động giáo dục giảm nhẹ rủi ro thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu tại Thành phố Đà Nẵng.

Các tác giả trân trọng cảm ơn Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hỗ trợ cho để tài nghiên cứu mã số B2021-DNA-14 với các kết quả chính đã được đúc kết trong cuốn sách này, xin cảm ơn sự đóng góp của các nhà khoa học, các Sở, Ban ngành và các giáo viên tại Thành phố Đà Nẵng trong việc cung cấp các nguồn tư liệu quý báu. Chúng tôi hy vọng cuốn sách sẽ là tài liệu hữu ích cho sinh viên, học viên, các nhà giáo dục, nhà nghiên cứu và cán bộ quản lý trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong quá trình biên soạn, các tác giả đã cố gắng tổng hợp các vấn đề lí luận cơ bản và các thành tựu mới, qua đó đóng góp những giải pháp thực tiễn và khả thi. Tuy nhiên, chắc chắn tài liệu sẽ không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Chúng tôi rất mong nhận được góp ý của bạn đọc để cuốn sách tiếp tục được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn

Các tác giả